

Số: 1626 /STNMT-KS

Hòa Bình, ngày 24 tháng 4 năm 2023

V/v trình tự, thủ tục khai thác đất đắp
phục vụ thi công các công trình, dự án
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Sở Giao thông vận tải;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh;
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh;
- Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Văn bản số 440/UBND-KTN ngày 31/3/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đảm bảo vùng nguyên liệu phục vụ xây dựng công trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thủ tục khai thác đất đắp phục vụ các công trình, dự án trên địa bàn tỉnh như sau:

1. Đối với diện tích khai thác khoáng sản làm vật liệu đất đắp nằm trong diện tích đất của Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt theo quy định (đối tượng áp dụng theo Khoản 2, Điều 64, Luật Khoáng sản)

Việc cấp phép khai thác được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 62, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ (cấp Bản xác nhận Đăng ký khu vực công suất khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác và không phải thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản). Trình tự gồm 04 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ Đăng ký khu vực công suất khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác

Bước 2: Thẩm định hồ sơ và xin ý kiến các sở ngành liên quan; xác nhận trữ lượng được phép khai thác; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Bước 3: Trình UBND tỉnh cấp Bản xác nhận Đăng ký khu vực công suất khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác.

Bước 4: Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

(chi tiết thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện kèm theo phục lục)

2. Khai thác khoáng sản ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình (khai thác khoáng sản từ các dự án này để phục vụ cho các dự án khác) theo Quy định tại Điều 65, Luật Khoáng sản

Việc cấp phép khai thác được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 63, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. Trình tự gồm 04 bước như sau:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản ở khu vực có phạm vi dự án công trình.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ và xin ý kiến các sở ngành liên quan; xác nhận trữ lượng được phép khai thác; tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Bước 3: Trình UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình).

Bước 4: Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân

(chi tiết thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện kèm theo phục lục)

3. Đối với diện tích khai thác được xác định để làm nguyên liệu đất san lấp phục vụ công trình, dự án (sử dụng vốn ngân sách: giao thông, thủy lợi, thủy điện, thiên tai...) nhưng không nằm trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình được phê duyệt theo quy định. Trình tự thực hiện cấp phép theo quy định của Luật Khoáng sản gồm các thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cấp phép khai thác khoáng sản. Trình tự gồm các bước như sau:

Bước 1: Thực hiện bổ sung quy hoạch khoáng sản làm VLXD trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Sở Xây dựng chủ trì tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua bổ sung Quy hoạch.

Bước 2: Căn cứ mục đích sử dụng khoáng sản nêu trên, đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm đ, Điều 22 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ khoáng định. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện trình UBND tỉnh quyết định khoáng định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Bước 3: Tổ chức, cá nhân đề nghị được thăm dò khoáng sản thực hiện lập Đề án thăm dò khoáng sản; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò, trình UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Bước 4: Tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện thăm dò và lập hồ sơ Báo cáo kết quả thăm dò, nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng Khoáng sản;

Bước 5: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản phải lập các thủ tục về Đầu tư, Thiết kế cơ sở; Báo cáo Đánh giá tác động môi trường;

Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt; Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Bước 7: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

(chi tiết thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện kèm theo phục lục)

4. Đối với các khu vực vị trí đã được phê duyệt quy hoạch khoáng sản đất làm vật liệu san lấp và để phục vụ cho dự án có vốn ngân sách gồm: giao thông, thủy lợi, thủy điện, thiên tai... Trình tự thực hiện cấp phép theo quy định của Luật Khoáng sản gồm các thủ tục cấp phép thăm dò khoáng sản, phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cấp phép khai thác khoáng sản. Trình tự gồm các bước như sau:

Bước 1: Căn cứ mục đích sử dụng khoáng sản nêu trên, đáp ứng tiêu chí quy định tại điểm đ, Điều 22 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ khoáng định. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện khoáng định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Bước 2: Tổ chức, cá nhân đề nghị được thăm dò khoáng sản thực hiện lập Đề án thăm dò khoáng sản; Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định nội dung đề án thăm dò, trình UBND tỉnh cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

Bước 3: Tổ chức, cá nhân tổ chức thực hiện thăm dò và lập hồ sơ Báo cáo kết quả thăm dò nộp Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng Khoáng sản;

Bước 4: Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản phải lập các thủ tục về Đầu tư, Thiết kế cơ sở; Báo cáo Đánh giá tác động môi trường;

Bước 5: Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định;

Bước 6: Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

(chi tiết thành phần hồ sơ, cách thức thực hiện kèm theo phục lục)

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các Sở, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư; các Tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để bc)
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Văn phòng đăng ký đất đai; (để đăng tải thông tin)
- Lưu: VT, KS. (M)

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Quân

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KS, ngày tháng 4 năm 2023
của Sở Tài nguyên và Môi trường)

I. Cấp Bản xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác

Nội dung, thủ tục:

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp Bản xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ (thành phần hồ sơ theo Điều 53, Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ)

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích, kiểm tra thực địa; gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan xin ý kiến về việc đề nghị khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất của Dự án đầu tư xây dựng công trình đã được phê duyệt;

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận trữ lượng được cấp phép khai thác để phục vụ dự án; lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Bước 3: Trình UBND tỉnh cấp Bản xác nhận Đăng ký khu vực công suất khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác

Bước 4: Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc qua đường bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính: Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.”

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

4.1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đăng ký nộp hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định tại Điều 53, Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ

nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

4.2. Thẩm định hồ sơ đăng ký thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

b) Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

4.3. Việc trình hồ sơ đăng ký khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình hoặc có dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định, thông báo cho chính quyền địa phương cấp huyện xã để phối hợp quản lý, giám sát thực hiện. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành liên quan

7. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bản xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác

8. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 18: Bản xác nhận khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích xây dựng dự án công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.
- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016.

II. Cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình

Nội dung, thủ tục

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ (thành phần hồ sơ theo Điều 54, Nghị định số 158/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ)

- Bước 2. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích, kiểm tra thực địa; gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan xin ý kiến về việc đề nghị khai thác khoáng sản ở khu vực có Dự án đầu tư xây dựng công trình

+ Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận trữ lượng được cấp phép khai thác; lập hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trình UBND tỉnh phê duyệt. Tổ chức, cá nhân thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.

Bước 3: Trình UBND tỉnh cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.

Bước 4: Thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc qua đường bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình; phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

4.1. Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Trong thời gian không quá 05 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định tại Điều 54 Nghị định này thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp

chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

4.2. Thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

b) Trong thời gian không quá 35 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

4.3. Việc trình hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

b) Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.4. Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành liên quan

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản (ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình)

8. Phí, lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản, theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTNMT ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000

b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	20.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 12: Đơn về nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016
- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính

III. Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Nội dung thủ tục:

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.

+ Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Khi nhận được hồ sơ của Tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

Trường hợp lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc dù nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa; gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản; báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xem xét, họp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Căn cứ đề xuất, tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan.

2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc qua đường bưu điện

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ bao gồm:

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận về vốn chủ sở hữu theo quy định; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

4. Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:

+ Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản: 05 ngày làm việc.

+ Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản: 02 ngày làm việc.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời gian không quá 35 ngày

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thăm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu.

+ Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thăm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thăm dò khoáng sản. Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thăm dò khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 11 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài

nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản

8. Phí, lệ phí:

+ Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 ha, mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;

+ Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

+ Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

- Trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò, là các tổ chức:

+ Được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế trong thăm dò khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về thăm dò khoáng sản;

+ Có đội ngũ công nhân kỹ thuật chuyên ngành địa chất thăm dò, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, khoan, khai đào và chuyên ngành khác có liên quan;

+ Có thiết bị, công cụ chuyên dùng cần thiết để thi công công trình thăm dò khoáng sản.

- Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km²) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km²) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km²) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km²) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km²) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

- Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

- Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

- Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016.

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016

- Thông tư số 191/2016/TT-BTNMT ngày 08/11/2016

- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản;

IV. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Nội dung thủ tục:

1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình hoặc gửi qua đường bưu điện. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra hồ sơ, nếu đầy đủ thì tiếp nhận và viết phiếu hẹn trả kết quả ngay sau khi chủ đầu tư nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định. Nếu hồ sơ chưa đủ thì hướng dẫn tổ chức hoàn thiện hồ sơ);

- Bước 2: Sau khi nhận hồ sơ, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả chuyển hồ sơ cho Phòng Khoáng sản để xem xét, tổ chức họp hội đồng thẩm định hoặc xin ý kiến các cơ quan, các nhà chuyên môn, báo cáo UBND, có thể xin ý kiến tổ chức họp Hội đồng đánh giá trữ lượng và lập Tờ trình đề nghị phê duyệt trữ lượng theo quy định.

Trong quá trình thẩm định hồ sơ: Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Phòng Khoáng sản có ý kiến gửi bộ phận TN&TKQ thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản để chỉnh sửa, bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét và quyết định: phê duyệt trữ lượng hoặc không phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

- Bước 3: Bộ phận TN&TKQ nhận kết quả (quyết định phê duyệt trữ lượng hoặc không phê duyệt) từ UBND tỉnh để trả cho chủ đầu tư và làm các thủ tục tiếp theo.

Trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu: Bộ phận TN&TKQ trả hồ sơ và thông báo cho chủ đầu tư bằng văn bản để biết và thực hiện.

Đồng thời, ngay sau khi nhận được kết quả từ UBND tỉnh, Bộ phận TN&TKQ gửi kết quả (bản chính) cho Phòng Khoáng sản để cập nhật cơ sở dữ liệu.

2. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm phục vụ Hành chính Công tỉnh Hòa Bình

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (bản chính-mẫu số 19);
- Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định (mẫu số 01); và giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công;
- Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan và bản số hóa (bản chính);
- Phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản (bản chính);
- Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (bản chính);
- Dữ liệu của tài liệu quy định tại mục a, c, d, đ, e được ghi trên đĩa CD (01 bộ).

Trong trường hợp phải xin ý kiến các chuyên gia, nhà chuyên môn, các cơ quan có liên quan hoặc tổ chức họp Hội đồng thẩm định thì cơ quan giải quyết hồ sơ có thể yêu cầu Chủ đầu tư bổ sung hồ sơ (số lượng hồ sơ bổ sung thêm sẽ có thông báo cụ thể).

4. Thời gian giải quyết:

1. Việc kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết.

b) Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc nêu tại mục a, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày kết thúc công việc quy định tại mục b cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia hoặc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

2. Việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò được thực hiện như sau:

a) Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc quy định tại điểm c mục 8.4.1, Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia tổ chức phiên họp Hội đồng; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập hoặc không thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật.

b) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Hội đồng tư vấn kỹ thuật, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia, Hội đồng tư vấn kỹ thuật hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

c) Trong thời gian không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật khoáng sản.

d) Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

3. Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò khoáng sản.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: UBND tỉnh Hòa Bình
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở, ban ngành và các phòng ban có liên quan; UBND các huyện thành phố có liên quan, các chuyên gia, nhà chuyên môn.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

8. Phí, lệ phí:

Nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản

Số tt	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 19: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 30: Quyết định Phê duyệt/công nhận trữ lượng khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 40: Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
 - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính

V. Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Nội dung thủ tục:

1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tổ chức nộp hồ sơ tại ộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình

Bước 2: Xử lý hồ sơ.

Bước 3: Trả kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

2. Cách thức thực hiện:

Tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hòa Bình

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;
- Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;
- Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt và bản sao giấy chứng nhận đầu tư;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường;
- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao giấy chứng nhận đầu tư;
- Trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thì phải có văn bản xác nhận trúng đấu giá;
- Văn bản xác nhận Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

4. Thời hạn giải quyết: Không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

5. Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

7. Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:

Mẫu số 07: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản

8. Phí và lệ phí:

Lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản, theo Biểu mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Thông tư số 191/2016/TT-BTNMT ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và	20.000.000

	công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

9. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản.

10. Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính:

Tổ chức phải hoàn chỉnh hồ sơ hợp lệ nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Tài nguyên và Môi trường qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Hòa Bình theo quy định.

11. Căn cứ pháp lý:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG